

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH HÀ GIANG**

Bản án số: 15/2023/HS-ST
Ngày 20/09/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH HÀ GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Cung Trần Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng Minh Vừ, nghề nghiệp: Cán bộ; đơn vị công tác: Trung tâm Chính Trị huyện M, tỉnh Hà Giang.
2. Bà Thảo Thị Thu Nga, nghề nghiệp: Cán bộ; đơn vị công tác: Huyện đoàn M

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy An - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vàng Mí Chứ - kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2023 đối với các bị cáo:

Lý Văn L; (*tên gọi khác: Không có*); sinh ngày 10/01/2008; tại huyện M, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002208006663, cấp ngày 18/9/2022, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lý Văn H, sinh năm 1992 và bà Tráng Thị P, sinh năm: 1993; Vợ, con: chưa có; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt;

Bị cáo bị giữ ngày 19/5/2023 đến ngày 25/5/2023 được áp dụng biện pháp “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

Ma Văn V; (*tên gọi khác: Không có*); sinh ngày 15/5/2006; tại huyện M, tỉnh Hà Giang; CCCD số: 002206005999, cấp ngày 09/5/2021, nơi cấp: Cục CSQLHC về TTXH; nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt

Nam; tôn giáo: Không; con ông: Ma Văn Q (đã chết) và bà Lý Thị Đ, sinh năm: 1988; Vợ, con: chưa có; tiền án; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/7/2013 Cơ quan Công an huyện M, tỉnh Hà Giang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04465/QĐ-XPHC về lĩnh vực giao thông đường bộ số tiền 1.000.000 đồng.

Bị cáo bị giữ ngày 19/5/2023 đến ngày 25/5/2023 được áp dụng biện pháp “cắm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo L:* Ông Lý Văn T, sinh năm 1971; nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang, nghề nghiệp: làm ruộng; là ông nội của bị cáo. Có mặt

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo V:* Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang, nghề nghiệp: Làm ruộng; là mẹ của bị cáo. Có mặt

- *Người chữa cho các bị cáo:* Bà Hoàng Thị Ngọc Mai, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị hại:* Cháu Giàng Thị M, sinh ngày 24/9/2008; trú tại: Thôn A, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. (Vắng mặt có lý do)

- *Người đại diện hợp pháp cho bị hại:* Bà Sùng Thị G, sinh năm 1984, trú tại: Thôn A, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Bà L Thị Lan, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lý Thị Đ, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn C, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Những người làm chứng:* Sùng Mí N (có mặt), Lư Thị K (vắng mặt không có lý do)

- *Người giám hộ cho Lư Thị K:* Sùng Thị C. Vắng mặt không có lý do

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông:* Ông Mua Mí Chứ, sinh năm 1971; trú tại: xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 18/5/2023, L đang ở nhà của bố mẹ thuộc thôn Đ, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang thì V một mình điều khiển xe mô tô (*nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 23K1 - 9526*) đến chơi. Tại nhà L trong lúc nói chuyện, L nảy sinh ý định rủ V đi cướp giật điện thoại đem bán lấy tiền, do trước đó L hay sử dụng xe mô tô đi chơi ở đoạn đường thuộc xã T, huyện M nên L biết được tại khu vực này có người thường sử dụng điện thoại di

động ở bên cạnh đường nên nảy sinh ý định cướp giật điện thoại của những người này, L chưa kịp nói với V thì V đã rủ L: “*Anh em mình xuống gần khu chợ xã S chơi đi*” thì L đồng ý. Sau đó V và L đi chơi cùng nhau bằng xe mô tô của V, V là người điều khiển xe đi theo hướng đường đi xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Trong khi đang đi đến khu vực chợ xã S thì L nói với V là: “*xuống dưới T lượn xem ai đi đường mà cầm điện thoại thì giật*”, V không nói gì với L mà tiếp tục điều khiển xe mô tô. Khi đến đoạn đường qua nhà nghỉ Tuấn Hoài thuộc thôn Đ, xã S, huyện M thì L tiếp tục nói với V: “*Đi đến đoạn T xem bọn nó ngồi chơi điện thoại ở vệ đường, có sơ hở thì giả vờ hỏi đường rồi cướp điện thoại mang về bán*”, nghe vậy, V trả lời: “*Ừ, cướp được về bán anh em chia nhau*”. Sau đó, V tiếp tục điều khiển xe mô tô theo hướng đi xã T để xem có ai sử dụng điện thoại ở bên cạnh đường hay không để cướp giật như lời nói của L. Khi đi đến đoạn đường ngã ba gần cầu treo đi thôn K, xã T, huyện M nhưng không thấy ai nên L đã bảo V quay lại nên V điều khiển xe quay lại về hướng xã S. Khi về đến đoạn đường gần trường Mầm Non xã T, huyện M thì L nhìn thấy Giàng Thị M ngồi một mình sử dụng điện thoại ở bên cạnh đường (*phía bên trái theo chiều đi của V và L*), cách M khoảng 03 mét có Lư Thị K cũng đang ngồi sử dụng điện thoại, do lúc này V đã điều khiển xe đi qua vị trí ngồi của M nên L nói: “*thấy có đứa cầm điện thoại rồi, quay lại đi để tao giật*”, thì V đồng ý. Sau đó, V điều khiển xe quay lại gần vị trí của M đang ngồi để L xuống xe, còn V quay đầu xe về hướng xã S (*vị trí V dừng xe cách vị trí của M ngồi khoảng 03 mét*) và ngồi ở trên xe chờ (*trong khi ngồi trên xe thì V tắt máy*). L xuống xe và đi đến ngồi gần vị trí của Mỹ, giả vờ hỏi “*em ơi cho anh xin mật khẩu wifi, để anh gọi điện cho bạn đến đón anh*”. Do M đang vào mạng xem phim nên khi L bảo M đưa điện thoại của M cho L để L phát mạng thì M không đồng ý mà nói lại với L: “*thế thì đưa điện thoại của anh cho em để em phát mạng cho*” nên L đã đưa chiếc điện thoại của mình cho M. Do đang xem phim không phát được mạng nên M nói với L: “*em chỉ quét mạng thôi vì em đang xem phim*”, đồng thời sử dụng điện thoại của L để quét mã QR vào mạng wifi nhưng không được, thấy vậy L nói: “*điện thoại của anh không quét được, đưa cho anh để anh bấm mật khẩu*” nghe vậy, M đưa cả hai chiếc điện thoại (*trong đó có chiếc điện thoại của M*) cho L. Sau khi cầm được hai chiếc điện thoại thì L đứng dậy vừa giả vờ bấm mật khẩu điện thoại để vào mạng vừa tiến về gần vị trí đuôi xe máy, đồng thời nói với V bằng tiếng dân tộc Tày “*nổ xe máy đi*” nên V đã nổ máy của xe. Lúc này, L nhanh chóng ngồi lên phía sau xe của V và nói “*chạy đi*”. Nghe vậy, V tăng ga bỏ chạy về hướng xã S. Khi V tăng ga xe bỏ chạy thì M dùng tay trái túm được vào phần áo phía sau lưng của L, khi đi được một đoạn thì làm cho chiếc áo của L bị rách, lúc này sợ bị ngã nên M bỏ tay ra. Khi bỏ chạy đến đoạn đường gần ngã ba đi lên Trường PTDTBT THCS xã T, huyện M thì L đã cởi và vứt chiếc áo xuống mặt đường (*phía bên phải theo chiều đi của L*). Khoảng 05 phút sau khi đi đến đoạn

đường thuộc thôn N, xã S thì L lấy chiếc điện thoại vừa giật được ra xem thấy điện thoại có vỏ ốp bên ngoài, L tháo vỏ ốp điện thoại ra thì thấy bên trong chiếc ốp có số tiền 178.000 đồng nên L đã cất tiền, điện thoại vào trong túi quần rồi vứt chiếc ốp điện thoại xuống mặt đường. Khi về đến nhà, L lấy chiếc điện thoại vừa cướp giật được ra xem, thấy điện thoại có mật khẩu nên L lên mạng tìm hiểu và mở được mật khẩu điện thoại. Sau đó, L nói với V “*hay là mang điện thoại đi bán xong chia đôi tiền*” thì V nói lại “*thôi không bán, sợ mấy nữa như nào còn có cái trả lại*”. Trong khi L đang cầm điện thoại trên tay thì thấy có số điện thoại gọi đến, do lo sợ bị phát hiện nên L đã tháo bỏ 02 (hai) chiếc sim trong điện thoại ra và vứt xuống khu vực bếp của nhà mình. Lúc này, do không có điện thoại để sử dụng nên V nói với L “*cho mượn điện thoại vừa nãy giật để đăng nhập Facebook chơi*” sau khi V nói thì L đưa chiếc điện thoại trên cho V. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, Lũ Văn D, sinh ngày 08/01/2006, trú tại: thôn B, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang (*là bạn của L*) gọi điện rủ L lên nhà D uống rượu nên L, V đi xe đến nhà D để uống rượu. Trước khi đi, V để chiếc điện thoại vừa cướp giật được ở dưới tấm phản kê làm giường ngủ tại nhà L ở thôn Đ, xã S, huyện M. Khoảng hai tiếng sau, L, V quay về nhà L để ngủ. Tại đây, V tiếp tục lấy chiếc điện thoại vừa cướp giật ra sử dụng còn L thì đi ngủ. V sử dụng điện thoại đến khoảng 03 giờ sáng ngày 19/5/2023 thì đi ngủ và để chiếc điện thoại ở đầu giường. Khoảng 06 giờ sáng cùng ngày, L thức dậy để đi học. Trước khi đi học, L cất giấu chiếc điện thoại ở dưới phản gỗ kê làm giường ngủ của mình.

Đối với cháu Giàng Thị M, sau khi bị L, V cướp giật điện thoại thì M đi đến nhà của anh Sùng Mí N cách vị trí của M ngồi sử dụng điện thoại khoảng 15 mét và nói cho N biết về việc mình vừa bị hai thanh niên đi xe mô tô cướp giật điện thoại và chạy về hướng xã S nên nhờ anh N lấy xe mô tô đuổi theo. Sau đó, anh N đã lấy xe mô tô của gia đình đuổi theo đến đoạn đường rẽ đi thôn X, xã S nhưng không thấy ai có đặc điểm như cháu M nói nên N quay về. Ngay sau đó, anh N đã gọi điện trình báo sự việc cho Công an xã T, huyện M.

Quá trình điều tra, xác minh, ngày 19/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M tiến hành mời V và L đến làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, L Văn V và L thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Đồng thời L khai nhận đối với số tiền 178.000 đồng gồm nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau, L đã chi tiêu hết số tiền 78.000 đồng vào việc mua đồ ăn. L đã giao nộp 01 điện thoại di động và số tiền 100.000 đồng. V giao nộp 01 xe mô tô YAMAHA.

*** Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu:**

+ Số đồ vật, tài liệu do L giao nộp, gồm:

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt lưng màu xanh xám, có chữ VIVO, điện thoại đã qua sử dụng.

- 01 (một) tờ tiền mệnh giá 100.000đ (một trăm nghìn đồng), có số seri FG 19630082.

- 02 (hai) chiếc sim nhà mạng VIETTEL, trong đó 01 chiếc sim có dãy số: 8984, 04800, 03847, 71186 và 01 chiếc sim có dãy số: 89840, 48000, 01289, 5442.

+ Số đồ vật, tài liệu do V, giao nộp gồm:

- 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại xe TAURUS, màu sơn trắng đen, biển kiểm soát 23K1 - 9526, xe đã qua sử dụng.

+ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M thu giữ:

- 01 (một) chiếc áo phong cộc tay có cổ, trước ngực bên trái có chữ ASENTIALS; ở phần vai áo, tay áo và phần cổ áo có viền màu trắng, tại mặt lưng áo phía bên phải có vết rách dọc theo lưng áo từ vai đến gấu áo có chiều dài 57cm.

Ngày 21/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Cướp giật tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Ngày 24/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M ra Quyết định khởi tố bị can số 09, 10/QĐ-ĐCSHS-MTKT đối với các bị cáo V, L về tội Cướp giật tài sản, quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015.

Căn cứ vào các tình tiết nêu trên. Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKSMV, ngày 08/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang để xét xử các bị cáo: L, V về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nội dung vụ án đã nêu ở trên, cũng như phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Sùng Thị G không đề nghị các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, kiểm sát viên tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: tuyên bố các bị cáo V, L phạm tội “Cướp giật tài sản”

- Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung 2017):

+ Xử phạt bị cáo L mức án từ 18 (mười tám) tháng đến 21 (hai mươi một) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ 06 (sáu) ngày tạm giữ từ ngày 19/5/2023 đến ngày 24/5/2023.

+ Xử phạt bị cáo V mức án từ 27 (*hai mươi bảy*) tháng đến 31 (*ba mươi mốt*) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ 06 (*sáu*) ngày tạm giữ từ ngày 19/5/2023 đến ngày 24/5/2023.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người dưới 18 tuổi, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

- *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy đối với: 01 (*một*) chiếc áo phong màu đen, có cổ, trước ngực bên trái có chữ ASENTIALS; ở phần vai áo, tay áo và phần cổ áo có viền màu trắng, tại mặt lưng áo phía bên phải có vết rách dọc theo lưng áo từ vai đến gấu áo có chiều dài 57cm.

- Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong giai đoạn điều tra. Tại phiên tòa hôm nay, đại diện bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đề nghị xem xét.

- Án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo V và L theo quy định

Bà Hoàng Thị Ngọc Mai, Trợ giúp viên bào chữa cho các bị cáo V, L phát biểu quan điểm:

Trách nhiệm Hình sự: Đồng thuận với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo V, L về tội Cướp giật tài sản, quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của BLHS.

Hình phạt: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn, suy nghĩ đơn giản, quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS. Xử phạt bị cáo L mức án 18 (*Mười tám*) tháng tù; xử phạt bị cáo V 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại.

Án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo V, L.

Bà L Thị Lan trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Giàng Thị M phát biểu quan điểm:

Đồng thuận với quan điểm của VKSND huyện M, tỉnh Hà Giang về tội danh, hình phạt, trách nhiệm dân sự.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố. Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại không khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại Giàng Thị M, người làm chứng Lư Thị K, người giám hộ cho Lư Thị K là bà Sùng Thị C. Tuy nhiên trong hồ sơ đã có lời khai. Việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về tội danh: Các bị cáo là công dân đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, có am hiểu nhất định về pháp luật, các bị cáo là người có đủ sức khỏe để lao động kiếm sống. Các bị cáo biết rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, nhưng do lười lao động, muốn nhanh chóng có tiền tiêu sài cá nhân nên các bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở, không cảnh giác của người bị hại thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Cụ thể vào khoảng 19 giờ ngày 18/5/2023 các bị cáo V, L có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại Giàng Thị M có giá trị 2.230.000đ tại khu vực trường Mầm Non xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo: V, L đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Điều 171 quy định về Tội cướp giật tài sản

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a)...

...

g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;

...”.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại V tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự an tại địa phương, gây tâm lí hoang mang lo sợ, gây dư luận xấu trong nhân dân. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cũng như để đấu tranh phòng chống tội phạm đang diễn ra hết sức phức tạp trên tỉnh Hà Giang nói chung và huyện M nói riêng. Xét cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm theo khung khoản, điều luật mà các bị cáo vi phạm. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo L đạt 15 tuổi 4 tháng 08 ngày, bị cáo V đạt 17 tuổi 0 tháng 03 ngày, do các bị cáo là người dưới 18 tuổi và dưới 16 tuổi nên HĐXX áp dụng các Điều 91; Điều 101 BLHS đối với các bị cáo.

[5] Khi lượng hình, cá thể hóa hình phạt HĐXX xét thấy, đây là vụ án có tính chất đồng phạm, tuy nhiên là đồng phạm giản đơn vì không có tổ chức và không có sự cấu kết chặt chẽ giữa các bị cáo, được quy định tại Điều 17 BLHS. Trong vụ án này bị cáo L là người khởi xướng và V tiếp thực hiện hành vi cướp giật tài sản, còn bị cáo V là người tham gia, giúp sức tích cực. Do vậy HĐXX áp dụng Điều 58 BLHS để thể hiện rõ việc phân hóa tội phạm.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều xuất thân từ gia đình lao động, ăn học chưa đến nơi đến chốn, sống ở vùng sâu vùng xa. Tại Cơ quan CSĐT và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hơn nữa các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của chính sách pháp luật hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra các bị cáo L, V đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho đại diện bị hại bà Sùng Thị G số tiền 2.128.000 đồng. Tại phiên tòa đại diện bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào, xét thấy thỏa thuận của các bị cáo và đại diện bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật do vậy cần được ghi nhận.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân của các bị cáo, HĐXX xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, thì mới có tác dụng cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành công dân biết sống, làm việc theo hiến pháp và pháp luật. Đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[11] Về xử lý vật chứng vụ án:

[11.1] Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015: Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc áo phong cộc tay màu đen, có cổ, trước ngực bên trái có chữ ASENTIALS; ở phần vai áo, tay áo và phần cổ áo có viền màu trắng, tại mặt lưng áo phía bên phải có vết rách dọc theo lưng áo từ vai đến gấu áo có chiều dài 57cm. Đây là chiếc áo của bị cáo L mặc khi thực hiện hành vi cướp giật tài sản bị Giàng Thị Mỹ kéo rách sau đó bị cáo cởi vứt ở cạnh đường.

[11.2] Đối với chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng; số tiền 100.000 đồng và 02 (hai) chiếc sim nhà mạng VIETTEL tại giai đoạn điều tra xác định đây là tài sản của bị hại Giàng Thị M nên ngày 18/6/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 08/QĐ-ĐCSHS-KTMT, tiến hành trả lại toàn bộ đồ vật, tài sản trên cho bà Sùng Thị Mai, là mẹ đẻ của bị hại Giàng Thị M. Do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

[11.3] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 23K1 - 9526, màu sơn trắng đen, tại giai đoạn điều tra xác định chiếc xe mô tô này là của gia đình V. Trước, trong và sau khi V, L sử dụng chiếc xe này làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội thì gia đình V không có ai biết việc. Nên ngày 11/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 10/QĐ-ĐCSHS-KTMT và tiến hành trả chiếc xe mô tô có đặc điểm nêu trên cho chị Lý Thị Đ, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã S, huyện M (là mẹ đẻ của V). Do vậy HĐXX không đề cập xem xét.

[12] Về án phí: HĐXX xét thấy các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, nên HĐXX áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo V, L.

[13] Đối với với quan điểm bào chữa của người bào chữa cho các bị cáo HĐXX chấp nhận một phần, đối với đề nghị xử phạt mức án 24 (hai mươi bốn) tháng tù đối với bị cáo V của người bào chữa là chưa phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, chưa đủ sức răn đe đối với bị cáo nên HĐXX không chấp nhận.

[14] Đối với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là phù hợp do vậy HĐXX chấp nhận.

[15] Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú để bảo đảm thi hành án đối với các bị cáo, quy định tại khoản 1 Điều 109 BLTTHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tội danh: Tuyên bố các bị cáo: V, L phạm tội “Cướp giật tài sản.”

2. Hình phạt:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt các bị cáo:

- Bị cáo V 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ 06 (*sáu*) ngày tạm giữ từ ngày 19/5/2023 đến ngày 24/5/2023 nên bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 26 (*Hai mươi sáu*) tháng 24 (*Hai mươi bốn*) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Bị cáo L 18 (*Mười tám*) tháng tù. Bị cáo được khấu trừ 06 (*sáu*) ngày tạm giữ từ ngày 19/5/2023 đến ngày 24/5/2023 nên bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 17 (*Mười bảy*) tháng 24 (*Hai mươi bốn*) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo V, L.

Biện pháp tư pháp: Tiếp tục áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến khi các bị cáo đi thi hành án.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các điều 584, 585, 587, 589 bộ luật dân sự 2015: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 2.128.000 đồng giữa các bị cáo và đại diện bị hại.

4. Vật chứng: Căn cứ Điều 106 BLTTHS, áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015: Tịch thu tiêu hủy: 01 (*một*) chiếc áo phong cộc tay màu đen, có cổ, trước ngực bên trái có chữ ASENTIALS; ở phần vai áo, tay áo và phần cổ áo có viền màu trắng, tại mặt lưng áo phía bên phải có vết rách dọc theo lưng áo từ vai đến gấu áo có chiều dài 57cm. Vì vật chứng không còn giá trị sử dụng.

(Tình trạng, đặc điểm chi tiết của các vật chứng, như biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/8/2023 giữa Cơ quan Công an huyện M, tỉnh Hà Giang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hà Giang.)

5. Án phí: Áp dụng Điều 136-BLTTHS, áp dụng điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo V, L.

Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 332, 333 BLTTHS: Án xử công khai, có mặt các bị cáo, người đại diện của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, đại diện bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Báo cho các bị cáo, người đại diện của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, đại diện bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/9/2023).

Báo cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/9/2023).

Báo cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- HS THAHS;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cung Trần Lương